

Số: 07 /2019/QĐ-UBND

Hoà Bình, ngày 04 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên
địa bàn tỉnh Hoà Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 437/TTr-STC ngày 10 tháng 12 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hoà Bình”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh HB;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch & các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chánh, Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học và công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TT (80b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Khánh

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 07/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về bình ổn giá; đăng ký giá; định giá; hiệp thương giá; kiểm tra yếu tố hình thành giá; kê khai giá; niêm yết giá; công khai thông tin về giá; quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức cá nhân trong thực hiện quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động bình ổn giá; định giá; hiệp thương giá; kiểm tra yếu tố hình thành giá; kê khai giá; công khai thông tin giá, niêm yết giá trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Thực hiện bình ổn giá hàng hoá, dịch vụ

1. Trường hợp thực hiện bình ổn giá, Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá.

a) Trường hợp thực hiện bình ổn giá: Thực hiện theo Điều 4 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;

b) Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

2. Thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong việc thực hiện bình ổn giá:

a) Các cấp, các ngành có nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện biện pháp bình ổn giá các mặt hàng nằm trong danh mục bình ổn giá do Chính phủ quy định và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành liên quan; chủ

động thực hiện chương trình bình ổn thị trường phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

b) Trong trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các biện pháp áp dụng bình ổn giá theo thẩm quyền như sau:

- Điều hòa cung cầu một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu trên địa bàn;
- Các biện pháp tài chính, tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật;
- Đăng ký giá đối với hàng hóa dịch vụ thuộc diện bình ổn giá theo quy định;
- Kiểm tra yếu tố hình thành giá, kiểm soát hàng hóa tồn kho, kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có trên địa bàn;
- Áp dụng biện pháp hỗ trợ về giá phù hợp với quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế;
- Định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc khung giá hàng hóa dịch vụ thiết yếu để phục vụ sản xuất tiêu dùng;

c) Sở Tài chính là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện bình ổn giá theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này và quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 4. Đăng ký giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 3 quy định này.

2. Đối tượng thực hiện đăng ký giá

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách thực hiện đăng ký giá ở trung ương, không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc đăng ký giá của các bộ ngành quản lý theo thẩm quyền.

b) Các trường hợp thực hiện đăng ký giá theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ.

c) Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo giá do nhà cung cấp quyết định) không phải đăng ký giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính, sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại địa phương nơi chi nhánh, đại lý đặt trụ sở chính về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính, sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của việc cung cấp thông tin.

3. Cơ quan tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá ở địa phương.

a) Sở Tài chính tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, i, k khoản 1 Điều 3 Nghị định 177/NĐ-CP của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b) Sở Công Thương tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh sửa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi theo hướng dẫn của Bộ Công thương;

c) Sở Y tế tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo hướng dẫn của Bộ Y tế;

d) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định khoản 1 Điều 3 Nghị định 177/NĐ-CP của các cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh do cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện, thành phố cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

e) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Công thương, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo thẩm quyền quy định tại điểm a, b, c, d khoản này có trách nhiệm tham mưu và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo danh sách các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đăng ký giá trên địa bàn tỉnh;

Định kỳ vào ngày 01 tháng 07 hằng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Công thương, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo thẩm quyền quy định tại điểm a, b, c, d khoản này chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan chuyên môn của tỉnh rà soát, đề xuất điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đăng ký giá tại địa phương gửi Sở Tài chính tổng hợp, chủ trì tham mưu và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo điều chỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân đăng ký giá trên địa bàn địa phương.

d) Danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký giá; địa chỉ email, số điện thoại, số fax của các cơ quan được phân công tiếp nhận đăng ký giá quy định khoản này được đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của các cơ quan này.

4. Cách thức thực hiện đăng ký giá:

Các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký giá theo quy định tại khoản 1, Điều 5 Thông tư số 56/2014/TT-BTC và khoản 5 Điều 2 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Đối với mặt hàng thuốc phòng, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

5. Quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

6. Quyền hạn và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký giá theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 56/2014/TT-BTC và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC.

7. Thời điểm đăng ký giá: Trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với mặt hàng cụ thể thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký giá bắt đầu từ ngày cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp đăng ký giá có hiệu lực và trước khi định giá, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ bằng việc lập Biểu mẫu đăng ký giá gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 5. Thẩm quyền định giá

1. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP của Chính Phủ (Chi tiết tại khoản 3 Điều 8 sửa đổi, bổ sung).

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP của Chính Phủ (Chi tiết tại khoản 4 Điều 8 sửa đổi, bổ sung);

b) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành gồm:

- Giá thóc để tính thuế sử dụng đất nông nghiệp;
- Giá tính thuế tài nguyên;
- Giá dịch vụ xe vận tải hành khách, vận tải hàng hóa ra, vào bến bãi theo quy định của Luật giao thông đường bộ;
- Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà;
- Giá dịch vụ quản lý vận hành nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; Giá mua nhà ở thương mại để bố trí nhà ở tái định cư; Giá dịch vụ nhà chung cư trên địa bàn tỉnh;
- Giá các loại tài sản, hàng hóa dịch vụ khác phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

3. Trình tự, thời hạn quyết định giá

a) Trình tự, quy trình thẩm định phương án giá

- Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ lập hồ sơ phương án giá theo lĩnh vực được phân công có trách nhiệm lập hồ sơ phương án giá gửi cơ quan chủ quản (trong trường hợp đơn vị trực thuộc lập hồ sơ phương án giá) xem xét thống nhất, lấy ý kiến tham gia của các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; trên cơ sở đó tổng hợp ý kiến, hoàn chỉnh lại phương án và có văn bản kèm theo hồ sơ phương án giá gửi Sở Tài chính thẩm định;

- Sau khi nhận đầy đủ Hồ sơ phương án giá theo quy định, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định phương án giá. Căn cứ vào nội dung phương án giá và

loại hàng hóa, dịch vụ, Sở Tài chính tự tổ chức thẩm định hoặc mời các Sở, ngành có liên quan tham gia thẩm định;

- Trên cơ sở kết quả thẩm định giá, Sở Tài chính có văn bản thông báo kết quả thẩm định đến cơ quan, đơn vị để hoàn thiện Hồ sơ phương án giá. Căn cứ vào nhiệm vụ được phân công theo quy định Điều 3 của Quy định này, Sở Tài chính hoặc sở quản lý chuyên ngành, lĩnh vực trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

- Đối với việc thẩm định Bảng giá đất, Bảng giá đất điều chỉnh, Hệ số điều chỉnh giá đất, phương án giá đất thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường; Việc thẩm định giá hàng hóa, dịch vụ khác, nếu cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định giá, Hội đồng định giá thì được thực hiện theo quyết định đó. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mà pháp luật chuyên ngành có quy định về thẩm định phương án giá thì thực hiện theo quy định đó.

b) Thời hạn thẩm định phương án giá và thời hạn quyết định giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

c) Hồ sơ phương án giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

4. Điều chỉnh mức giá đối với hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá:

a) Điều kiện thực hiện điều chỉnh giá: Khi các yếu tố hình thành giá có biến động, làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống thì cơ quan có thẩm quyền định giá quy định tại khoản 1, khoản 2 điều này kịp thời xem xét, điều chỉnh giá.

b) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh những hàng hóa, dịch vụ cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá quy định tại khoản 1, khoản 2 điều này quy định giá có quyền kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh mức giá theo quy định của pháp luật, nhưng phải nêu rõ lý do và cơ sở xác định mức giá đề nghị điều chỉnh.

c) Trình tự, thời hạn điều chỉnh giá thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều này.

d) Trường hợp kiến nghị điều chỉnh giá không hợp lý thì cơ quan có thẩm quyền định giá phải trả lời cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh bằng văn bản.

5. Cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc định giá là Sở Tài chính, các sở chuyên ngành.

Điều 6. Hiệp thương giá

1. Giao Sở Tài chính tổ chức hiệp thương giá, khi đảm bảo các điều kiện sau:

a) Hàng hoá, dịch vụ không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

b) Hàng hoá, dịch vụ quan trọng được sản xuất, kinh doanh trong điều kiện đặc thù hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế; có tính chất độc quyền mua hoặc độc quyền bán hoặc bên mua, bên bán phụ thuộc nhau không thể thay thế được.

c) Theo đề nghị của một trong hai bên mua, bán mà nơi đề nghị phải có trụ sở đặt tại tỉnh Hòa Bình, khi các bên này không thoả thuận được giá mua, giá bán để ký hợp đồng.

2. Hồ sơ hiệp thương giá, trình tự tổ chức hiệp thương giá: Thực hiện theo Khoản 2, 3 Điều 10 và Điều 11, Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

Điều 7. Kiểm tra các yếu tố hình thành giá

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa dịch vụ tại khoản 2, Điều này trong các trường hợp sau:

a) Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định bình ổn giá, định giá;

b) Khi giá có biến động bất thường và theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kiểm tra các yếu tố hình thành giá, bao gồm:

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện bình ổn giá của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh;

c) Hàng hoá, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá của tổ chức, cá nhân trên địa bàn; hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh; hàng hóa, dịch vụ khác khi giá có biến động bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Trình tự, thủ tục, thời hạn kiểm tra xác định các yếu tố hình thành giá thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

5. Xử lý các hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

Điều 8. Kê khai giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016.

2. Đối tượng thực hiện kê khai giá:

a) Tổ chức, cá nhân (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách thực hiện kê khai giá ở trung ương hoặc văn bản hướng dẫn riêng về kê khai giá của bộ quản lý ngành theo thẩm quyền;

b) Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý (bao gồm cả cửa hàng) không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo đúng giá do nhà cung cấp quyết định) không phải kê khai giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính, sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại địa phương nơi chi nhánh, đại lý đặt trụ sở chính về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính, sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin.

3. Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá:

a) Sở Tài chính, Sở Công thương, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công tại điểm a, b, c, d khoản 3, Điều 4 Quy định này, tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá;

b) Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá tại điểm b, c, d, đ, e, h, i, o khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của các tổ chức sản xuất, kinh doanh do cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Sở Công Thương tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm n khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016;

d) Sở Giao thông vận tải tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm g, k, m, p khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016;

đ) Sở Y tế tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm l khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016;

g) Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá tại điểm b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của các cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh do cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện, thành phố cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; trên địa bàn huyện;

h) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở quản lý ngành theo quy định tại điểm b, c, d, đ, g khoản này có trách nhiệm tham mưu và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo danh sách các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình kê khai giá trên địa bàn tỉnh;

Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hằng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố theo quy định tại điểm b, c, d, đ, g khoản này chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế tỉnh và các cơ quan chuyên môn của tỉnh rà soát, đề xuất điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân, hộ gia đình kê khai giá trên địa bàn tỉnh để gửi Sở Tài chính tổng hợp, chủ trì tham mưu và trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng kê khai giá trên địa bàn địa phương.

i) Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung một số hàng hoá, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương (nếu có). Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh cơ quan quản lý nhà nước tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hoá, dịch vụ đặc thù.

4. Cách thức thực hiện và tiếp nhận kê khai giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC.

5. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong tổ chức thực hiện kê khai giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư 233/2016/TT-BTC.

6. Nội dung văn bản kê khai giá, Biểu mẫu kê khai giá: Thực hiện theo Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư số 233/2016/TT-BTC.

7. Danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá; địa chỉ email, số điện thoại, số fax của các cơ quan được phân công tiếp nhận đăng ký giá quy định khoản này được đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của các cơ quan này.

8. Đối với hàng hóa, dịch vụ mà pháp luật chuyên ngành quy định cụ thể cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá, Biểu mẫu kê khai giá thì thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật chuyên ngành.

Điều 9. Niêm yết giá

Các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm thực hiện niêm yết giá theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 10. Công khai thông tin giá

1. Cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về giá tại Điều 13 Quy định này có trách nhiệm công khai những thông tin về giá, bao gồm:

- a) Các chủ trương, chính sách, biện pháp quản lý giá của nhà nước;
- b) Các quyết định giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Các quyết định xử phạt vi phạm hành chính về giá đối với tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về giá và pháp luật khác có liên quan;

d) Hình thức công khai: Đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng;

2. Cơ quan thông tin, truyền thông có trách nhiệm đưa các thông tin về thị trường, giá cả chính xác, khách quan, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin theo quy định hiện hành.

3. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm công khai thông tin về giá, cung cấp thông tin về giá bao gồm:

a) Các thông tin về định mức tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu; các thông tin kinh tế - kỹ thuật liên quan đến việc kinh doanh, sản xuất hàng hóa, dịch vụ;

b) Mức giá mua hàng hóa, dịch vụ và mức giá bán do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định và những thông tin khác có liên quan đến việc kinh doanh, sản xuất hàng hóa, dịch vụ;

c) Hình thức công khai thực hiện thông qua việc đăng ký, kê khai giá, niêm yết giá; cung cấp những hóa đơn, chứng từ và các thông tin khác có liên quan khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

Những quy định công khai thông tin về giá không áp dụng đối với những thông tin không được phép công khai theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC CẤP, CÁC NGÀNH, CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN TRONG VIỆC THỰC HIỆN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁ

Điều 11. Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện quản lý nhà nước về giá và phân cấp quản lý về giá trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này.

Điều 12. Trách nhiệm phối hợp của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong quản lý nhà nước về giá

1. Phối hợp với Sở Tài chính trong việc tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và công bố các biện pháp bình ổn giá, thực hiện các biện pháp quản lý nhà nước về giá.

2. Phối hợp với Sở Tài chính trong việc tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo danh sách các tổ chức, cá nhân đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn địa phương;

3. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá, kê khai giá của các tổ chức, cá nhân thuộc lĩnh vực chuyên ngành. Thực hiện công khai thông tin về giá, đăng ký giá, kê

khai giá theo quy định. Tổng hợp, đánh giá, lập báo cáo kết quả thực hiện đăng ký giá, kê khai giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn khi Nhà nước kết thúc áp dụng biện pháp bình ổn giá gửi về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục Quản lý Giá - Bộ Tài chính;

4. Tổ chức và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện các chính sách, quyết định giá của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, các quy định của Nhà nước về quản lý giá, thông tin giá cả thị trường;

5. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật và các quy định khác của Nhà nước liên quan đến quản lý Nhà nước về giá theo thẩm quyền.

6. Trực tiếp xây dựng hoặc hướng dẫn các đơn vị có liên quan lập phương án giá đối với tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi Sở, ngành mình quản lý theo quy định tại Điều 12 Quy định này hoặc được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ để gửi Sở Tài chính thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 13. Quyền hạn và trách nhiệm của các Sở, ngành cụ thể trong quản lý nhà nước về giá

1. Sở Tài chính

Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các chính sách, biện pháp trong công tác quản lý giá tại địa phương, có quyền hạn và trách nhiệm:

a) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý giá áp dụng trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các quy định tại Khoản 3 Điều 3, Khoản 3 Điều 8, Khoản 3 Điều 13 Thông tư 56/2014/TT-BTC (*Tên của Điều 8, được sửa đổi bổ sung tại khoản 4, Điều 1, Thông tư 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016*); Khoản 3 Điều 15 Nghị định 177/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 24 Luật Giá.

c) Thẩm định phương án giá theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá và điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước quyết định giá theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy định này;

d) Chủ trì, phối hợp với địa phương, Sở, ngành có liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, mức thu đối với đất có mặt nước và đơn giá thuê mặt nước; quyết định hệ số điều chỉnh giá đất hàng năm; về giá bồi thường, cây trồng, vật nuôi là thủy sản và di chuyển mồ mả trên địa bàn tỉnh;

đ) Thẩm định tiền bồi thường giải phóng mặt bằng, tiền chuyên nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp;

e) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức giá, mức trợ cước đối với hàng hóa, dịch vụ đặt hàng, giao kế hoạch; hàng hoá dịch vụ sản xuất theo đặt hàng của Nhà nước với các đơn vị sản xuất mà không thông qua hình thức đấu thầu, đấu giá được thanh toán từ Ngân sách địa phương;

f) Chủ trì thẩm định phương án giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp; phương án giá cho thuê, bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; thẩm định phương án giá tiêu thụ nước sạch khu vực nông thôn; giá cho thuê tài sản nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

g) Phối hợp với Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng hàng quý (hoặc hàng tháng khi có biến động bất thường);

h) Thẩm định giá các mặt hàng thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn và thủy sản trên địa bàn tỉnh;

i) Xử lý hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về giá;

k) Tổ chức thu thập thông tin, phân tích, dự báo tình hình giá cả thị trường báo cáo Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh;

l) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá khởi điểm để bán đối với tài sản nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định hiện hành;

m) Thẩm định giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng do Sở Xây dựng lập theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với các nghĩa trang, cơ sở hỏa táng được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

n) Công khai thông tin về giá;

p) Thực hiện các nhiệm vụ quản lý về giá khác theo quy định của pháp luật hoặc được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Sở Công thương

a) Chỉ đạo, tuyên truyền các quy định của nhà nước đối với việc niêm yết giá, kiểm tra niêm yết giá và bán theo giá niêm yết đối với các đơn vị, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn nơi có giao dịch thực hiện mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;

b) Chủ trì xây dựng và trình: Phương án giá tối đa dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước do tỉnh quản lý;

c) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn các đơn vị cung ứng dịch vụ lập và trình phương án giá cụ thể: dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước do tỉnh quản lý;

d) Tổ chức chỉ đạo các đơn vị sản xuất, kinh doanh có liên quan lập phương án giá bán điện đối với nguồn điện của các đơn vị sản xuất, phân phối điện do địa phương quản lý chưa nối lưới điện quốc gia, tổng hợp ý kiến của các cơ quan có liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

đ) Tổ chức kiểm tra việc chấp hành giá bán điện do Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;

e) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành tổ chức thực hiện các giải pháp bình ổn giá theo hướng dẫn của Bộ Công thương;

g) Phối hợp với các Sở, Ban, Ngành liên quan tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành giá quy định của Nhà nước đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá; kiểm tra việc chấp hành niêm yết giá, kê khai giá, đăng ký giá và bán đúng theo giá niêm yết, kê khai, đăng ký theo quy định.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức điều tra, khảo sát giá đất để xây dựng Bảng giá các loại đất (05 năm một lần), điều chỉnh bảng giá đất hàng năm (nếu có), tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành sau khi có ý kiến của các cơ quan có liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính;

b) Tổ chức thực hiện điều tra, tổng hợp và cung cấp thông tin, dữ liệu về giá đất;

c) Chủ trì xác định giá giao đất có thu tiền sử dụng đất; giá thuê đất, thuê mặt nước; giá đất phục vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; giá đất cụ thể để xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai; giá tính thuế tài nguyên;

đ) Chủ trì, phối hợp hướng dẫn các đơn vị cung ứng dịch vụ lập và trình phương án giá cụ thể dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ do tỉnh quản lý.

4. Sở Xây dựng

a) Xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá chuẩn nhà ở và công trình xây dựng mới (sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính), làm căn cứ để: xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, định giá tài sản cố định theo quy định của pháp luật;

b) Căn cứ vào khung giá hoặc giá chuẩn nhà ở do Nhà nước quy định tiến hành lập phương án giá hoặc chỉ đạo các đơn vị sản xuất, kinh doanh có liên quan lập phương án giá bán hoặc cho thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước cho các đối tượng tái định cư, đối tượng chính sách; Chủ trì phối hợp các cơ quan có liên quan xây dựng giá bán hoặc cho thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà ở công

vụ, nhà ở xã hội thuộc sở hữu Nhà nước, nhà ở sinh viên, nhà ở công nhân) được giao quản lý và xây dựng giá dịch vụ quản lý vận hành nhà ở trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến của các cơ quan có liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính;

d) Chủ trì thẩm định giá bán nhà ở xã hội đối với nhà ở xã hội đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách; giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương; giá mua nhà ở thương mại để bố trí nhà ở tái định cư; giá dịch vụ nhà chung cư trên địa bàn tỉnh;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố các Bộ đơn giá xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh (gồm Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng; đơn giá xây lắp, Đơn giá công tác sửa chữa công trình xây dựng; Bộ đơn giá dịch vụ công ích đô thị,..) và giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước;

e) Phối hợp với Sở Tài chính trong việc thẩm định phương án giá nước sạch cho sinh hoạt tại đô thị, khu công nghiệp để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

g) Chủ trì xây dựng và trình phương án giá tối đa: Dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước do tỉnh quản lý;

h) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính công bố vào cuối kỳ giá vật liệu xây dựng hàng quý (hoặc công bố hàng tháng khi có biến động bất thường);

i) Tổ chức kiểm tra giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở, giá dịch vụ quản lý vận hành nhà ở do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

k) Chủ trì lập giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng đối với các nghĩa trang, cơ sở hỏa táng được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

l) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận trước khi chủ đầu tư phê duyệt giá chuyển nhượng sử dụng phần mộ cá nhân và giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng đối với nghĩa trang, cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước do chủ đầu tư lập theo quy định của Bộ Xây dựng.

5. Sở Giao thông vận tải

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng hướng dẫn lập Phương án giá cước vận tải, giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đối với các đơn vị kinh doanh vận tải, đơn vị kinh doanh dịch vụ hỗ trợ vận tải;

b) Xây dựng và trình mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển;

c) Chủ trì xây dựng và trình phương án:

- Giá tối đa: Dịch vụ sử dụng đường bộ do tỉnh quản lý thuộc các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước; dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước do tỉnh quản lý;

- Khung giá: Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ sử dụng cảng (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu bến, phao neo) do tỉnh quản lý; dịch vụ sử dụng cảng (bao gồm cảng, bên thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước do tỉnh quản lý;

d) Chủ trì, phối hợp hướng dẫn các đơn vị cung ứng dịch vụ lập và trình hồ sơ phương án giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước do tỉnh quản lý.

đ) Phối hợp Sở Tài chính hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô, giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ của các đơn vị kinh doanh vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

6. Sở Y tế

a) Xây dựng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định: Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế);

b) Thực hiện tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá, kê khai giá của các tổ chức, cá nhân theo quy định;

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành giá theo quy định của Nhà nước đối với thuốc phòng, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc phòng chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước;

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương xác định giá rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước làm đại diện chủ sở hữu tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Phối hợp với Sở Tài chính trong việc thẩm định phương án giá nước sạch, giá cây trồng vật nuôi do các đơn vị liên quan đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

c) Chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng hướng dẫn các đơn vị cung ứng dịch vụ lập và trình hồ sơ phương án giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do tỉnh quản lý.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

Xây dựng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định: Giá dịch vụ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập thuộc tỉnh (học phí).

9. Sở Thông tin và Truyền thông

Tổ chức kiểm tra, giám sát hoặc phối hợp với Sở Tài chính để kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về giá thu các dịch vụ bưu chính phổ cập, dịch vụ viễn thông trên địa bàn tỉnh theo quy định.

10) Cục Thuế tỉnh:

- a) Xây dựng và trình giá thóc để tính thu thuế sử dụng đất nông nghiệp;
- b) Đề xuất điều chỉnh giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà theo thẩm quyền.

Điều 14. Quyền hạn và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong quản lý nhà nước về giá

1. Tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách quản lý nhà nước về giá, các biện pháp bình ổn giá theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn của Sở Tài chính.

2. Tổ chức việc thu thập thông tin, báo cáo giá cả thị trường hàng hóa, dịch vụ, giá vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện, thành phố theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Tổ chức điều tra, khảo sát giá đất thị trường làm cơ sở thẩm định, phê duyệt giá đất cụ thể phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng trên địa bàn hoặc báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, trình Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể của tỉnh thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá đất cụ thể phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định.

4. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường điều tra, khảo sát, lập phương án giá các loại đất 05 năm 01 lần, giá đất hàng năm phục vụ công tác điều chỉnh bảng giá đất hàng năm và phối hợp với Sở Tài chính xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất hàng năm;

5. Được quyền quyết định giá một số hàng hóa, dịch vụ như sau:

a) Phê duyệt giá trị thanh lý, nhượng bán, điều chuyển cho thuê tài sản thuộc cơ quan, đơn vị cấp huyện, thành phố quản lý theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Định giá tài sản, hàng hóa tịch thu sung công quỹ Nhà nước từ các vụ án hình sự, dân sự, kinh tế, hành chính theo phân cấp và quy định của pháp luật;

c) Quyết định mức trợ giá, trợ cước thuộc ngân sách huyện, thành phố quản lý;

d) Thực hiện quyết định giá những sản phẩm khác được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp.

6. Phân công cơ quan chuyên môn tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá, kê khai giá của cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn huyện, thành phố theo danh

sách được Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phê duyệt theo quy định tại Điều 4, Điều 8 Quy định này.

7. Công bố công khai, hướng dẫn, đôn đốc cá nhân, hộ gia đình có tên trong danh sách đăng ký giá, kê khai giá thực hiện đúng quy định.

8. Thực hiện công khai giá đăng ký, kê khai của cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương.

9. Tổ chức kiểm tra, thanh tra về giá và kiểm tra việc niêm yết giá trên địa bàn huyện, thành phố quản lý theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh;

10. Xử lý vi phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.

Điều 15. Quyền hạn và trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc tỉnh và thuộc huyện, thành phố quản lý (kể cả các đơn vị hành chính sự nghiệp trực thuộc Sở, Ban, Ngành).

Được quyền quyết định giá mua tài sản, dịch vụ bằng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm c, d, đ, khoản 2, Điều 4 Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 04/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc phạm vi quản lý tỉnh Hòa Bình.

2. Thủ trưởng các đơn vị sử dụng nguồn kinh phí ngân sách để mua tài sản, hàng hóa, dịch vụ cho đơn vị mình tự chịu trách nhiệm về mức giá mua phê duyệt và giá thanh lý, nhượng bán tài sản thuộc thẩm quyền; thực hiện việc mua tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Nhà nước; thực hiện những qui định về quản lý Nhà nước về giá.

Điều 16. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn

Quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Luật Giá năm 2012, các quy định của Chính phủ, các bộ, ngành trung ương về các biện pháp bình ổn giá và của Ủy ban nhân dân tỉnh về các biện pháp bình ổn thị trường.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Giao cho Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các Sở, ngành và đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định Quản lý nhà nước về giá theo quy định tại Quyết định này.

2. Những nội dung khác về Quản lý nhà nước về giá không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để nghiên cứu, xem xét, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Văn Khánh